

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ LAN

**ĐẶC ĐIỂM TÍN HIỆU THẨM MỸ THIÊN  
NHIÊN TRONG CA TỬ TRINH CÔNG SƠN**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ học**

**Mã số: 60.22.01**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng, Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRƯƠNG THỊ NHÀN**

Phản biện 1: **PGS.TS. VÕ XUÂN HÀO**

Phản biện 2: **TS. BÙI TRỌNG NGOÃN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013

*Có thể tìm luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

*1.1.* Tín hiệu thẩm mỹ là phương tiện biểu hiện của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. Cho dù là âm nhạc, hội họa hay văn chương thì người thưởng thức luôn muốn giải mã được một cách đầy đủ và đúng đắn các tín hiệu thẩm mỹ để khám phá và cảm nhận cái hay, cái đẹp của tác phẩm. Đặc biệt, đối với tác phẩm văn học, khi nghiên cứu nó từ bình diện ngôn ngữ thì tín hiệu thẩm mỹ là một trong những con đường quan trọng nhất để chúng ta tiếp cận với những giá trị cốt lõi trong nội dung văn bản.

Thông qua cách sử dụng ngôn ngữ của các tác giả, các yếu tố hiện thực trở thành tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học. Những tín hiệu đặc biệt ấy vừa biểu thị hiện thực khách quan của đời sống được chuyển tải vào tác phẩm lại vừa diễn đạt giá trị thẩm mỹ – giá trị tác động đến chiều sâu tâm hồn con người và khơi gợi những rung động về cái đẹp của hiện thực cuộc sống. Vì vậy, ngôn ngữ văn học luôn gắn liền với phẩm chất thẩm mỹ, dù nó cũng xuất phát từ đời sống nhưng nó phải vượt lên những giá trị, chuẩn mực của ngôn ngữ thông thường. Nhà nghiên cứu Đào Thản từng cho rằng luôn có một vực thẳm không vượt qua được giữa cách dùng ngôn ngữ hàng ngày và ngôn ngữ của các nhà văn. Cái vực thẳm mà tác giả nói đến ở đây chính là những bí mật ẩn giấu đằng sau bề mặt các câu chữ mà cụ thể hơn là các tín hiệu thẩm mỹ được biểu đạt bằng ngôn ngữ. Phải vượt qua cái vực thẳm ấy thì chúng ta mới có thể khám phá được những thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm. Điều đó cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của việc nghiên cứu, giải mã tín hiệu thẩm mỹ trong việc tiếp cận tác phẩm văn chương.

Tuy nhiên, giá trị của tín hiệu thẩm mỹ được biểu đạt bằng ngôn ngữ không chỉ được ghi nhận trong các tác phẩm văn chương mà còn được thể hiện rõ nét trong âm nhạc. Bởi vẻ đẹp của một ca khúc chính là sự kết hợp giữa giai điệu và ca từ. Hai đặc tính này song song tồn tại không tách rời nhau và đều có những hệ thống tín hiệu thẩm mỹ riêng để chuyển tải giá trị và ý nghĩa của nó. Trong đó, những tín hiệu thẩm mỹ của phần ca từ trong một nhạc phẩm cũng được biểu đạt bằng ngôn ngữ. Bởi nói đến ca từ là nói đến mặt lời của âm nhạc, và những lời hát đó cũng không phải là thứ ngôn ngữ giản dị, mộc mạc thông thường mà phải là một ngôn ngữ giàu hình ảnh, màu sắc, trữ tình và lãng mạn, hay ca từ trong âm nhạc chính là lời thơ. Như vậy, ca từ trong âm nhạc cũng có thể được xem như ngôn ngữ văn học, mang các đặc trưng của ngôn ngữ văn học, vì thế việc giải mã các tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ âm nhạc cũng là một vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu để những giai điệu, những lời hát có thể khơi gợi những cảm xúc đẹp để từ cảm nhận của người nghe.

**1.2.** Hầu hết tác phẩm âm nhạc nào cũng có ca từ, đó là thứ dùng để chuyển tải thông điệp nội dung tới người nghe và thể hiện cái nhìn tinh tế và lãng mạn của người nhạc sĩ về bức tranh đời sống, về những cung bậc cảm xúc của con người. Trong các nhạc sĩ Việt Nam, Trịnh Công Sơn được xem là một trong những người viết ca từ hay nhất, ông là người đã biến ngôn ngữ ca từ thành ngôn ngữ thơ của nhạc. Đối với một tác phẩm âm nhạc, phần nhạc vô cùng quan trọng bởi giai điệu là cái tác động mạnh mẽ nhất đến thính giác người nghe. Nhưng với âm nhạc của người nhạc sĩ tài hoa này, thật khó mà so sánh được giữa phần nhạc với lời cái nào quan trọng hơn, thậm chí nhiều người còn nhận định ca từ là phần quan trọng nhất và được yêu thích nhất trong các nhạc phẩm của ông. Sở dĩ có điều đặc

biệt đó là vì chất thơ trong ca từ của Trịnh Công Sơn, đối với ông mỗi phần lời trong một nhạc phẩm có thể xem như một bài thơ và ông được nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn, nhạc sĩ... đánh giá là một nhà thơ lớn. Tài năng ấy đã biến phần ca từ Trịnh Công Sơn thành ngôn ngữ thơ ca, ngôn ngữ văn chương đích thực. Vì vậy để khám phá hết vẻ đẹp của nó thì chúng ta cũng phải quan tâm đến hệ thống các tín hiệu thẩm mỹ mà Trịnh Công Sơn sử dụng trong các nhạc phẩm của mình.

Nội dung phần ca từ trong các sáng tác của ông chủ yếu đề cập đến các vấn đề quê hương, thân phận và tình yêu. Và gắn liền với tất cả các đề tài ấy là một hiện thực đời sống được tái hiện thông qua cái nhìn tinh tế, độc đáo của Trịnh Công Sơn mà nổi bật nhất là bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc. Thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn vừa là một tín hiệu thẩm mỹ khơi gợi sự đồng cảm đồng thời thiên nhiên là đồng hiện của quê hương, thân phận và tình yêu. Vì vậy, nếu chúng ta khám phá được bức tranh thiên nhiên xinh tươi mà huyền bí ấy thì chúng ta sẽ có cái nhìn đúng đắn hơn về những ý nghĩa triết lí vừa gần gũi, giản đơn lại vừa sâu sắc mà ông gửi gắm vào các nhạc phẩm của mình.

Từ những lí do trên, chúng tôi đi vào tìm hiểu đề tài: *Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn.*

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Làm sáng tỏ những đặc điểm về tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ của một nhạc sĩ lớn trong nền âm nhạc Việt Nam và góp phần làm sáng tỏ đặc điểm ngôn ngữ của phần lời ca trong các tác phẩm âm nhạc. Từ đó, đề tài *Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn* sẽ giúp cho người nghe và những người nghiên cứu về nhạc Trịnh Công Sơn có thêm hướng tiếp cận mới mang tính khoa

học về nội dung của các văn bản ca từ trong nhạc phẩm của ông và cảm nhận đúng đắn hơn những ý nghĩa, thông điệp mà nhạc sĩ gửi gắm trong tác phẩm.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn trên các mặt: các hình thức biểu đạt và giá trị nội dung của các hình thức biểu đạt.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Để làm rõ đối tượng nghiên cứu chúng tôi khảo sát các nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn thông qua tuyển tập: *Trịnh Công Sơn – Tuyển tập những bài ca không năm tháng*, NXB Âm nhạc, 2008 (127 nhạc phẩm).

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thống kê, phân loại
- Phương pháp phân tích nét nghĩa
- Phương pháp phân tích diễn ngôn và ngữ dụng học

### **5. Bố cục của luận văn**

Đề tài *Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn* ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của đề tài được chúng tôi triển khai qua ba chương sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung

Chương 2: Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn

Chương 3: Giá trị biểu đạt của các tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn

## 6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

### 6.1. Lịch sử nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương

Theo Trương Thị Nhân – tác giả của luận án *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ – không gian trong ca dao* thì trên phạm vi thế giới *Khái niệm tín hiệu thẩm mỹ* (hay *ký hiệu thẩm mỹ*) ra đời gắn với khuynh hướng cấu trúc trong nghiên cứu mỹ học và nghệ thuật những năm giữa thế kỉ XX với các công trình của Iu.A.Philipiep, M.B.Khrapchenjco. Sau đó, những công trình này được đưa vào sử dụng ở nước ta từ những năm 70 qua các bản dịch, cùng với đó là các công trình, bài viết của Hoàng Trinh, Trần Đình Sử, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Lai..., mở đầu cho lĩnh vực nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ trong nền ngôn ngữ nước ta.

Ở Việt Nam, người đặt cơ sở nghiên cứu tín hiệu thẩm mỹ là Đỗ Hữu Châu. Trong bài viết *Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học*, Đỗ Hữu Châu cho rằng: “Cách tiếp cận văn học của ngôn ngữ học trước đây xuất phát từ quan điểm thông thường: phương tiện của văn học là ngôn ngữ, cụ thể hơn là từ, câu, ngữ âm... nghĩa là các sự kiện tự nhiên của các ngôn ngữ tự nhiên. Chúng tôi cho rằng không hẳn là như vậy. Phương tiện sơ cấp (primaire) của văn học là các tín hiệu thẩm mỹ. Nói rõ hơn, đơn vị của phương tiện của văn học là các tín hiệu thẩm mỹ, cú pháp của cái ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mỹ này là cú pháp – tín hiệu thẩm mỹ. Rồi các tín hiệu thẩm mỹ đó mới được thể hiện bằng các tín hiệu ngôn ngữ thông thường (và cú pháp thông thường)...” [9, tr 779].

Đến luận án *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ – không gian trong ca dao* của Trương Thị Nhân, tác giả đã xác lập được một hệ thống các khái niệm, đặc trưng và các điều kiện của tín

hiệu thẩm mỹ, tạo ra cơ sở lí thuyết vững chắc về tín hiệu thẩm mỹ để ứng dụng vào các tác phẩm cụ thể. Trong luận án của mình, tác giả đã đưa ra khái niệm về tín hiệu thẩm mỹ và đã chỉ ra 9 đặc trưng của tín hiệu thẩm mỹ bao gồm: Tính đẳng cấu, tính tác động, tính biểu hiện, tính biểu cảm, tính biểu trưng, tính trừu tượng và cụ thể, tính truyền thống và cách tân, tính hệ thống, tính cấp độ.

***6.2. Lịch sử nghiên cứu ca từ trong âm nhạc Việt Nam nói chung - trong nhạc Trịnh Công Sơn nói riêng và vấn đề nghiên cứu đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ Trịnh Công Sơn.***

Tác phẩm hoàn thiện và mang ý nghĩa khoa học lớn nhất nghiên cứu về vấn đề ca từ trong âm nhạc Việt Nam là chuyên luận *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam* của tác giả Dương Viết Á. Trong chuyên luận của mình ông cho rằng: “Trong loại hình nghệ thuật âm nhạc, ngoài phần âm thanh đóng vai trò chính, còn phải dùng đến ngôn ngữ, nói đúng hơn, đó là phần ngôn ngữ văn học trong âm nhạc (lời ca trong ca khúc, hợp xướng, kịch bản trong nhạc cảnh, nhạc kịch, tên gọi, tiêu đề của những bài hát, bản nhạc hoặc của từng chương nhạc...). Tất cả phần ngôn ngữ văn học trong âm nhạc, ta gọi chung trong một khái niệm: ca từ” [3, tr 112].

Các công trình nghiên cứu về nhạc Trịnh Công Sơn đã đi sâu nghiên cứu và đánh giá về cái hay, cái đẹp trong ca từ Trịnh Công Sơn. Dù phân tích trên nhiều khía cạnh khác nhau nhưng hầu hết các tác giả đều chỉ ra vẻ đẹp đầy chất thơ trong ca từ Trịnh Công Sơn và những ý nghĩa triết lí thể hiện nhân sinh quan của người nhạc sĩ về cuộc sống thông qua lớp ca từ ấy. Các công trình tập trung xoay quanh hình tượng thân phận con người trong mối liên hệ với đời sống mà chưa đi sâu tìm hiểu hình tượng thiên nhiên trong nhạc Trịnh đặc biệt là dưới góc nhìn của tín hiệu thẩm mỹ.



## CHƯƠNG 1

### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

#### 1.1. TÍN HIỆU THẨM MĨ

**1.1.1. Khái niệm tín hiệu, tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ**

*a. Tín hiệu*

*b. Tín hiệu ngôn ngữ*

*c. Tín hiệu thẩm mỹ*

Tác giả Trương Thị Nhân đã đề xuất một khái niệm tương đối hoàn chỉnh về tín hiệu thẩm mỹ (THTM) như sau: “THTM chính là TH thuộc hệ thống các phương tiện biểu hiện nghệ thuật, bao gồm toàn bộ những yếu tố của hiện thực và tâm trạng (những chi tiết, những sự vật hiện tượng, những cảm xúc.... thuộc đời sống hiện thực và tâm trạng) được lựa chọn, xây dựng và sáng tạo trong tác phẩm vì mục đích thẩm mỹ, trong đó cái biểu đạt của THTM là những yếu tố thuộc hệ thống phương tiện vật chất (chất liệu) được sử dụng trong các ngành nghệ thuật và cái được biểu đạt của THTM là những nội dung tinh thần mang tính thẩm mỹ” [31, tr 26].

#### **1.1.2. Đặc điểm của tín hiệu thẩm mỹ**

Trong luận án *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ - không gian trong ca dao*, tác giả Trương Thị Nhân cho rằng THTM có những đặc điểm sau:

*a. Tính đẳng cấu*

*b. Tính tác động*

*c. Tính biểu hiện*

*d. Tính biểu cảm (tính bộc lộ)*

*e. Tính biểu trưng*

*f. Tính truyền thống và cách tân*

*g. Tính hệ thống*

*h. Tính trừu tượng và cụ thể*

*i. Tính cấp độ*

### **1.1.3. Phương tiện ngôn ngữ của tín hiệu thẩm mỹ**

Các yếu tố của hiện thực muốn trở thành THPTM trong tác phẩm văn học phải nhờ có ngôn ngữ biểu đạt. Cấu trúc đặc biệt của hệ thống TH ngôn ngữ cho phép mỗi hình thức ngôn từ có thể phản ánh, biểu đạt được một sự vật, hiện tượng nào đó thuộc hiện thực khách quan cũng như từng hiện tượng thuộc thế giới tinh thần của con người. Nhờ vậy, chủ thể tiếp nhận có thể lĩnh hội được từ văn học những hiện thực trực tiếp thông qua ngôn từ và chính nhờ thế mà ngôn từ trở thành chất liệu, thành phương tiện để xây dựng nên tác phẩm văn chương. Ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm văn học vừa là chính nó, lại cũng vừa là cái biểu hiện cho THPTM, mang những nội dung thuộc THPTM (tức ý nghĩa thẩm mỹ).

## **1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA CA TỪ VÀ THƠ CA**

Ca từ được xem là phần ngôn ngữ văn học trong các nhạc phẩm, tuy nhiên ca từ không hoàn toàn đồng nhất với ngôn ngữ văn học vì nó gắn liền với các sáng tác âm nhạc, dùng để hát và để nghe theo giai điệu nên chịu sự chi phối của quy luật âm nhạc. Nếu ngôn ngữ văn học, trong đó có thơ ca chủ yếu tác động đến tâm hồn người đọc thông qua thị giác và thường có nội dung cụ thể thì ca từ lại chủ yếu tác động vào thính giác và có khi truyền đạt cảm xúc thông qua sự gắn bó mật thiết với âm thanh.

Tuy không đồng nhất với ngôn ngữ văn học, nhưng ca từ trước hết cũng là ngôn ngữ và cũng sử dụng chủ yếu phương thức trữ tình để phản ánh cuộc sống nên bên cạnh quy luật âm nhạc, nó còn chịu sự tác động của quy luật ngôn ngữ và quy luật thơ ca.

### **1.3. VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ TRỊNH CÔNG SON VÀ CA TỪ TRỊNH CÔNG SON**

#### **1.3.1 Trịnh Công Sơn- người du ca qua mọi thời đại**

Trịnh Công Sơn (28.2.1939 – 1.4.2001) là một trong những nhạc sĩ lớn nhất của Tân nhạc Việt Nam. Trịnh Công Sơn quê làng Minh Hương, tổng Vĩnh Tri, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông sinh tại cao nguyên Lạc Giao (phường Thống Nhất, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk). Ông lớn lên tại Huế, tốt nghiệp Đại học Sư phạm tại Qui Nhơn. Sau đó ông vào Bảo Lộc (Lâm Đồng) và làm nghề dạy học. Ông bắt đầu viết nhạc năm 1958. Tác phẩm đầu tiên của ông là “Ướt mi”, được xuất bản năm 1959, từ đó tên tuổi của ông được nhiều người biết đến.

#### **1.3.2 Ca từ Trịnh Công Sơn**

Trịnh Công Sơn đã sáng tạo không ngừng nghỉ để sản sinh ra những ca từ hay và đẹp. Và chúng luôn thấm đẫm chất thơ, mỗi một nhạc phẩm của ông giống như một bài thơ đầy màu sắc, hình ảnh và thể hiện cái nhìn tinh tế và trù mến yêu thương của người nghệ sĩ đối với cuộc sống. Ông đưa vào trong các tác phẩm của mình rất nhiều những sự vật, sự việc, hiện tượng gần gũi với cuộc sống con người để biểu đạt những giá trị về cái đẹp một cách bình dị. Chính vì vậy mà trong ca từ của ông xuất hiện hàng loạt THPTM, và một trong những THPTM nổi bật nhất được Trịnh Công Sơn sử dụng là các THPTM thiên nhiên. Việc tìm hiểu THPTM thiên nhiên trong luận văn của

chúng tôi nhằm mục đích góp phần vào việc nắm bắt sâu hơn đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật trong ca từ Trịnh Công Sơn.

#### **1.4. TIỂU KẾT**

Như vậy, THPTM trong ngôn ngữ văn học là TH bậc hai, là đơn vị thứ cấp với những đặc trưng cơ bản sau: tính đẳng cấu, tính cấp độ, tính tác động, tính biểu hiện, tính biểu cảm, tính biểu trưng, tính hệ thống, tính truyền thống và cách tân, tính trừu tượng và cụ thể.

## **CHƯƠNG 2**

### **CÁC HÌNH THỨC NGÔN NGỮ BIỂU ĐẠT TÍNH HIỆU THẨM MỸ THIÊN NHIÊN TRONG CA TỪ TRỊNH CÔNG SƠN**

#### **2.1. THỐNG KÊ VÀ PHÂN LOẠI**

##### **2.1.1. Tiêu chí thống kê và phân loại**

###### ***a. Tiêu chí thống kê***

Để thống kê các danh từ biểu thị các TH thiên nhiên hằng thể trong ca từ Trịnh Công Sơn, chúng tôi dựa vào khái niệm “thiên nhiên” được trình bày trong *Từ điển Tiếng Việt* của cố GS. Hoàng Phê: “Thiên nhiên là tổng thể nói chung những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra” [35, tr 1168].

###### ***b. Tiêu chí phân loại***

Chúng tôi tiến hành phân loại các danh từ biểu thị các TH thiên nhiên hằng thể trong ca từ Trịnh Công Sơn theo trường từ vựng ngữ nghĩa. Theo đó, chúng tôi dựa vào các đặc tính vô cơ hay hữu cơ, các đặc trưng xuất hiện và tồn tại, không gian tồn tại .... để phân chia chúng thành 4 nhóm danh từ lớn và các tiểu nhóm nhỏ hơn trong đó.

### **2.1.2. Kết quả thống kê và phân loại**

Trong phạm vi khảo sát của đề tài, chúng tôi đã thống kê được kết quả như sau:

Tổng số danh từ biểu thị thiên nhiên: 65 từ

Tổng số lần xuất hiện các danh từ: 944 lần

Tỉ lệ trung bình số lần xuất hiện/từ: 14,5 lần/từ.

#### ***a. Nhóm D1: Thế giới thực vật***

Bao gồm các danh từ chỉ những bộ phận đặc trưng của các loài thực vật và những danh từ chỉ các loài thực vật cụ thể được nhắc đến. Tổng cộng có 21 từ, xuất hiện trên tổng số 169 lần (trung bình: 8,0 lần/từ).

#### ***b. Nhóm D2: Thế giới động vật***

Bao gồm các danh từ chỉ những bộ phận đặc trưng của các loài thực vật và những danh từ chỉ các loài thực vật cụ thể được nhắc đến. Tổng cộng có 21 từ, xuất hiện trên tổng số 169 lần (trung bình: 8,0 lần/từ).

#### ***c. Nhóm D3: Hiện tượng tự nhiên***

Bao gồm các danh từ chỉ các hiện tượng tự nhiên xảy ra được nhắc đến. Tổng cộng có 7 từ, xuất hiện trên tổng số 314 lần (trung bình: 44,9 lần/từ).

#### ***d. Nhóm D4: Vật thể tự nhiên***

Bao gồm những vật có những thuộc tính vật lí nhất định tồn tại trong thế giới thiên nhiên được nhắc đến, được chúng tôi phân chia theo ba không gian tồn tại của chúng (bầu trời, mặt đất, dưới nước). Tổng cộng có 22 từ, xuất hiện trên tổng số 377 lần (trung bình: 17,1 lần/từ).

Chúng ta có thể khái quát sự phân bố giữa các nhóm danh từ về số lượng danh từ, số lần xuất hiện và tỉ lệ số lần xuất hiện/từ trong mỗi nhóm qua bảng sau:

*Bảng 2.1: Tần số xuất hiện của các nhóm TH thiên nhiên*

Nhóm danh từ	Số danh từ		Số lần xuất hiện		Tỉ lệ trung bình số lần xuất hiện từ
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
D1 (Thế giới thực vật)	21	32,3	169	17,9	8,0
D2 (Thế giới động vật)	15	23,0	84	8,9	5,6
D3 (Hiện tượng tự nhiên)	7	10,8	314	33,3	44,9
D4 (Vật thể tự nhiên)	22	33,8	377	39,9	17,1
Tổng	65	100	944	100	14,5

## 2.2. SỰ MIÊU TẢ VÀ CỤ THỂ HÓA CÁC TÍN HIỆU THIÊN NHIÊN HÀNG THỂ TRONG CA TỪ TRỊNH CÔNG SƠN

### 2.2.1. Các hình thức miêu tả tín hiệu thiên nhiên hàng thể trong ca từ Trịnh Công Sơn

Hệ thống THPTM thiên nhiên hàng thể kể trên được Trịnh Công Sơn miêu tả - cụ thể hóa thông qua 6 hình thức miêu tả gồm: từ ngữ chỉ sự vận động của thiên nhiên; từ ngữ chỉ sự vận động của con người (nhưng được dùng cho thiên nhiên); từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của thiên nhiên; từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của con người (nhưng được dùng cho thiên nhiên); từ ngữ chỉ không gian và

từ ngữ chỉ định. Trong đó: nhóm từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của thiên nhiên có số lần được miêu tả nhiều nhất với 223 lần; nhóm từ ngữ chỉ sự vận động của thiên nhiên được miêu tả 163 lần; nhóm từ ngữ chỉ sự vận động của con người được miêu tả 112 lần; nhóm từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của con người được miêu tả 49 lần; nhóm từ ngữ chỉ không gian được miêu tả 27 lần và nhóm từ ngữ chỉ định có số lần được miêu tả ít nhất với 9 lần.

### **2.2.2. Các hình thức miêu tả các nhóm tín hiệu thiên nhiên hăng thể trong ca từ Trịnh Công Sơn**

## **2.3. CÁC KIỂU KẾT HỢP TÍN HIỆU – TÍN HIỆU**

### **2.3.1. Kết hợp trong một kết cấu chủ - vị**

#### ***a. Kết hợp TH thiên nhiên – con người***

Cơ sở để chúng tôi khảo sát kiểu kết hợp này là ý nghĩa của các từ ngữ làm vị ngữ chỉ các hoạt động, trạng thái, tính chất của con người trong một kết cấu với các danh từ chỉ thiên nhiên làm bổ ngữ bổ nghĩa cho các vị ngữ đó như: *gọi nắng, nhìn lá, ngắm dòng sông....*

#### ***b. Kết hợp giữa TH thiên nhiên – các TH ngoài con người***

Trong sự kết hợp giữa TH thiên nhiên và các TH ngoài con người thì TH điều chỉnh chủ yếu nhất được nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sử dụng là các từ ngữ để biểu hiện ý nghĩa không gian và thời gian.

### **2.3.2. Kết hợp trong một kết cấu sóng đôi**

#### ***a. Kiểu sóng đôi thứ nhất***

Là sự kết hợp giữa các TH thuộc cùng một nhóm hoặc tiêu nhóm danh từ nhưng lại biểu hiện những sự vật cụ thể khác nhau.

***b. Kiểu sóng đôi thứ hai***

Là sự kết hợp giữa các TH có cùng một nét nghĩa khái quát chỉ một bộ phận nào đó của thiên nhiên (cùng một nhóm danh từ) nhưng lại khác nhau ở các nét nghĩa cụ thể hơn (qua các tiểu nhóm).

***c. Kiểu sóng đôi thứ ba***

Là sự kết hợp giữa các TH có nét nghĩa khái quát khác nhau (thuộc các nhóm danh từ khác nhau) nhưng lại có mối liên hệ mật thiết trong đời sống .

***d. Kiểu sóng đôi thứ tư***

Là sự kết hợp giữa các tín hiệu thiên nhiên hằng thể tạo thành các từ ghép đẳng lập nhằm biểu hiện một ý nghĩa khái quát nào đó.

**2.4. TIỂU KẾT**

Trong ca từ Trịnh Công Sơn, hệ thống danh từ chỉ thiên nhiên được chia làm 4 nhóm với 65 danh từ với 944 lần xuất hiện (trung bình: 14,5 lần/từ).

Các THTM thiên nhiên được miêu tả - cụ thể hóa bằng 6 hình thức miêu tả. Có hai kiểu kết hợp tín hiệu – tín hiệu được Trịnh Công Sơn sử dụng là kết hợp tín hiệu thiên nhiên – con người và kết hợp trong một kết cấu sóng đôi.



### CHƯƠNG 3

## GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA CÁC TÍN HIỆU THẨM MỸ THIÊN NHIÊN TRONG CA TỪ TRỊNH CÔNG SƠN

### 3.1. GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CHUNG CỦA CÁC THTM THIÊN NHIÊN

#### 3.1.1. Bức tranh thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn

##### *a. Bức tranh thiên nhiên phong phú, sinh động*

Nhìn vào bảng 2.1, chúng ta thấy số lượng danh từ mà chúng tôi thống kê được thông qua khảo sát có thể được xem là lớn (65 danh từ) với 944 lần xuất hiện, trung bình 14,5 lần/từ. Điều đó cho thấy sự ưu ái của ông dành cho thiên nhiên và cũng vì thế mà bức tranh cuộc sống hiện lên thật phong phú, sinh động trong âm nhạc Trịnh Công Sơn.

Từ bảng 2.2, thông qua kết quả thống kê chúng ta thấy trong số các từ ngữ được Trịnh Công Sơn sử dụng để miêu tả - cụ thể hóa các TH thiên nhiên thì các từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của thiên nhiên chiếm số lượng lớn nhất (với 147 đơn vị miêu tả - chiếm 37,1% tổng số đơn vị miêu tả và 223 số lần được miêu tả - chiếm 38,3% tổng số lần được miêu tả), bên cạnh đó các từ ngữ chỉ sự vận động của thiên nhiên cũng chiếm số lượng lớn (với 82 đơn vị miêu tả - chiếm 20,7% tổng số đơn vị miêu tả và 163 số lần được miêu tả - chiếm 28,0% tổng số lần được miêu tả). Điều đó cho thấy bức tranh thiên nhiên trong nhạc Trịnh Công Sơn không chỉ đa dạng, chi tiết mà còn được miêu tả tập trung nhất trong màu sắc, trạng thái và sự vận động tạo nên sự sinh động, hấp dẫn và ấn tượng trong tâm trí người nghe. Đó không phải là thiên nhiên trong sự tĩnh tại, vắng lặng

mà đa phần là biến chuyển giống như dòng chảy bất tận của thời gian. Nó biểu hiện cho hơi thở và linh hồn của cuộc sống.

***b. Bức tranh thiên nhiên đẹp và lãng mạn***

Các TH thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn còn được miêu tả rất chi tiết thông cái nhìn tinh tế của người nhạc sĩ tài hoa với cuộc sống đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên đẹp và lãng mạn. Thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn không phải là những thực thể chỉ xuất hiện với chức năng biểu hiện bức tranh đời sống một cách đơn thuần mà được miêu tả rất cụ thể nhằm mục đích chuyển tải những thông điệp mang giá trị thẩm mỹ của tác giả. Hay nói cách khác thiên nhiên đó không mang tính biểu hiện đơn giản mà nó thiên về tính biểu cảm, biểu trưng.

Tác giả sử dụng rất nhiều các từ ngữ để miêu tả trạng thái, tính chất của thiên nhiên như : *lá thì xanh, vàng, úa, khô, đỏ, mong manh, xôn xao....; mưa thì trong, hồng, xanh ngát....; mây thì trắng, xám, hồng, đen, êm....; sông thì sâu, dài, cạn, vắng, cuộn cuộn, miên man....* tất cả tạo nên một thiên nhiên trong nhạc mà giống như trong họa, trong thơ: đầy màu sắc và cảm xúc, thật nên thơ và lãng mạn.

***c. Bức tranh thiên nhiên có quan hệ gắn bó với con người***

Theo kết quả khảo sát ở mục 2.3.1.1, khi xét sự kết hợp giữa TH thiên nhiên với chủ thể con người có 44 từ ngữ, xuất hiện 102 lần (trung bình: 2,3 lần/từ) và cũng chiếm số lượng lớn nhất trong các kiểu kết hợp, trong đó nổi bật và xuất hiện nhiều nhất là các từ chỉ các giác quan của con người như: *nghe* (8 lần), *thấy* (7 lần), *nhìn* (6 lần)... Đây là số lượng tương đối lớn nếu so với các sự kết hợp khác cho thấy sự giao hòa giữa thiên nhiên và con người. Thiên nhiên giàu hình ảnh và cảm xúc thông qua cảm nhận con người và chính thiên

nhiên tươi đẹp đã làm cho cuộc sống con người trở nên ấm áp, sinh động và khiến con người thêm lưu luyến, nặng lòng với cuộc sống nên phải: *nghe, nhìn, nhớ, thương, ra ngắm, xin làm....*

#### ***d. Bức tranh thiên nhiên mang chất thiền.***

Trịnh Công Sơn giống như một thiền sư giác ngộ ra những cái hư vô, tạm bợ, mong manh của cuộc sống trần thế. Ông thiết tha yêu cuộc sống, nhưng đối với ông cuộc sống không phải lúc nào cũng là vườn trần trần đầy màu sắc và niềm vui mà có nhiều khi ông cũng nhận thấy cuộc đời là những khổ đau như triết lí của Phật giáo, và nỗi buồn của phận kiếp làm người ấy bắt đầu từ những ngày ta mới chào đời.

Thiên nhiên trong cái nhìn của tác giả còn mang đậm quan niệm vô thường. Con người dù cho có sáng tạo ra một xã hội vui tươi hiện đại như thế nào cũng chỉ là ở trọ chốn trần gian, tương tự vạn vật trong thế giới này cũng chỉ là những kiếp ở trọ trước dòng chảy vô tận của thời gian, không có gì là trường tồn vĩnh viễn mà chỉ là sự tạm bợ, hư vô.

Như vậy, Trịnh Công Sơn đã thông qua hệ thống THTM thiên nhiên trong nhạc phẩm của mình để vẽ nên một bức tranh thiên nhiên thật phong phú, sinh động, lãng mạn, thấm đẫm chất thiền và gắn bó mật thiết với đời sống con người.

#### **3.1.2. Thế giới nội tâm của người nghệ sĩ**

##### ***a. THTM thiên nhiên biểu đạt tình yêu cuộc sống của người nghệ sĩ***

Tình yêu cuộc sống trong các nhạc phẩm của ông vừa là tiếng reo vui trước cỏ cây, hoa lá vừa là tiếng thở dài tiếc nuối cho sự hữu

hạn của kiếp người, vì thế nó vừa biểu hiện trực tiếp lại vừa ẩn dấu sâu lắng sau những hình ảnh, câu chữ mộc mạc, bình dị.

Ông yêu đời, yêu người nhưng trong cảm nhận của ông cuộc đời không phải lúc nào cũng là vườn trần đẹp đẽ. Cuộc sống có những lúc chan chứa nỗi buồn và thiên nhiên cũng đầy tâm trạng khiến tác giả tự dự cảm về một cái chết ngay khi đang sống mà thực chất, với ông, đó là sự trở về sau những ngày tháng rong chơi giữa cuộc đời, là trở về với cái hư không – cái không màu, không sắc, không buồn vui nhưng lại là cái vĩnh viễn.

***b. THTM thiên nhiên biểu đạt những nỗi buồn của thân phận***

Trong rất nhiều sáng tác của mình, Trịnh Công Sơn đã đề cập đến sự mong manh, nhỏ bé và hữu hạn của thân phận con người trước vòng quay luân hồi của tạo hóa.

Theo kết quả khảo sát ở bảng 2.2 chúng ta thấy trong nhóm các từ loại mà ông dùng để miêu tả - cụ thể hóa các TH thiên nhiên hằng thể thì các từ (cụm từ) chỉ sự vận động của con người và các từ (cụm từ) chỉ trạng thái, tính chất của con người chiếm số lượng đặc biệt ( lần lượt là 91 từ và 48 từ - chiếm tỉ lệ lần lượt là 23,0% và 12,1% tổng số đơn vị miêu tả). Sở dĩ chúng tôi nói đặc biệt là vì dù số liệu đưa ra không phải là quá cao nhưng ở đây nó lại đang được dùng để miêu tả - cụ thể hóa TH thiên nhiên thì vẫn là một con số đáng lưu ý. Nó cho thấy cái nhìn đầy cảm xúc của Trịnh Công Sơn với thiên nhiên và sự đồng điệu mạnh mẽ giữa thiên nhiên và tâm trạng của con người. Điều đó cũng lí giải vì sao nhạc sĩ họ Trịnh lại xem thiên nhiên là người bạn, người tình trong cuộc sống.

Trong số các động từ, tính từ chỉ con người mà Trịnh Công Sơn dùng để cụ thể hóa các TH thiên nhiên thì hầu hết chúng đều mang nét nghĩa chỉ sự biệt li, nỗi buồn, sự cô đơn, bất hạnh – chúng gắn gũi với thân phận con người. Những động từ như *nhớ, chết, gọi sầu, đứng lặng câm, tự tình, thở dài, thiếu nợ, thương thay*.... vốn là những hành động của con người trong những thời khắc khó khăn, u sầu, tuyệt vọng nay lại được dùng cho *mưa, nắng, gió, mây, sông, biển*.... những sự vật, hiện tượng vô tri vô giác tưởng chừng như không bao giờ biết buồn vui.

***c. THTM thiên nhiên biểu đạt những cung bậc cảm xúc của tình yêu***

Theo Trịnh Công Sơn, thân phận gắn liền với tình yêu, và ông mong loài người hãy dùng tình yêu để cứu rỗi thân phận, dựa vào tình yêu để quên đi những buồn bã suy tư của phận người hữu hạn trong cõi nhân gian. Có lẽ đây là một trong những nguyên nhân lí giải vì sao ông được mệnh danh là nhạc sĩ của tình ca, vì sao số lượng ca khúc viết về tình yêu trong nhạc Trịnh Công Sơn nhiều và hay đến vậy.

Trong mối quan hệ tương giao giữa thiên nhiên và tình yêu, tình yêu được mô tả giống như thiên nhiên trong sự tàn phai, héo úa. Trịnh Công Sơn luôn muốn tìm kiếm một tình yêu vĩnh viễn để an ủi sự cô đơn và ngăn ngừa của thân phận, nhưng tình cứ chợt đến và chợt đi và bỗng chốc như thiên nhiên buổi phai tàn.

## **3.2 GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA CÁC THTM THIÊN NHIÊN TIÊU BIỂU TRONG CA TỪ TRỊNH CÔNG SƠN**

### **3.2.1. Mưa**

Theo kết quả khảo sát ở chương II, “mưa” là TH thiên nhiên có số lần được miêu tả - cụ thể hóa nhiều nhất: 82 lần. Như vậy, “mưa” là đối tượng gọi cảm xúc, là người bạn tri kỉ trong nhạc Trịnh Công Sơn.

### **3.2.2. Nắng**

Bên cạnh TH “mưa”, “nắng” cũng là TH thiên nhiên xuất hiện nhiều trong ca từ Trịnh Công Sơn. Theo kết quả khảo sát, TH “nắng” được miêu tả - cụ thể hóa 64 lần, chiếm vị trí thứ hai về số lần được miêu tả trong tất cả các các THTM thiên nhiên (chỉ sau TH “mưa”). Sở dĩ có sự đặc biệt này bởi với Trịnh Công Sơn mưa nắng chính là những người bạn – bạn của con người và bạn của vạn vật trong cuộc sống.

### **3.2.3. Sông**

Một TH thiên nhiên khác được Trịnh Công Sơn sử dụng nhiều trong tác phẩm của mình để biểu tượng cho thân phận và tình yêu là “sông”. Theo kết quả khảo sát ở chương II, “sông” có số lần được miêu tả - cụ thể hóa là 33 lần. Đây không phải là kết quả quá cao so với một số TH khác nhưng điều đặc biệt là nó lại mang giá trị biểu cảm lớn lao.

## **3.3. TIỂU KẾT**

THTM thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn đã khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên phong phú, sinh động, đẹp và gắn bó sâu sắc với cuộc sống con người. Ngoài ra, THTM thiên nhiên còn biểu đạt thể giới nội tâm sâu sắc, tinh tế, lãng mạn của người nhạc sĩ với những nỗi niềm suy tư về cuộc sống, tình yêu và thân phận con người.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu ngôn ngữ trong các tác phẩm âm nhạc từ góc nhìn tín hiệu thẩm mỹ là một hướng đi tương đối mới mẻ nhưng đó là một trong những con đường khoa học nhất để chúng ta có thể cảm nhận được những thông điệp ý nghĩa mà người nhạc sĩ gửi gắm vào tác phẩm. Mặc dù nói đến âm nhạc là phải nói đến giai điệu đầu tiên và đó là đặc trưng nổi bật nhất để phân biệt âm nhạc với các loại hình nghệ thuật khác, thậm chí có những bản nhạc chỉ có giai điệu không có ca từ nhưng vẫn làm đắm say trái tim bao thế hệ. Tuy nhiên, phần ca từ trong một nhạc phẩm hầu như bao giờ cũng là yếu tố quyết định giá trị nội dung của một ca khúc. Giải mã ca từ thông qua hệ thống THPTM chính là cách tiếp cận nội dung ca khúc một cách hợp lí và đúng đắn bởi ca từ có mối liên hệ mật thiết với ngôn ngữ văn chương mà phương tiện sơ cấp của văn học là các THPTM với các đặc trưng nổi bật: tính đẳng cấu, tính tác động, tính biểu hiện, tính biểu cảm, tính biểu trưng, tính truyền thống và cách tân, tính trừu tượng và cụ thể, tính hệ thống và tính cấp độ. Giải mã ngôn ngữ văn chương thông qua việc giải mã các THPTM là phương pháp khoa học nhất để nắm bắt nội dung của tác phẩm.

Đề tài *Đặc điểm tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn* được chúng tôi triển khai qua hai luận điểm lớn: Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ Trịnh Công Sơn và giá trị biểu đạt của các tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ Trịnh Công Sơn.

Các hình thức ngôn ngữ biểu đạt tín hiệu thẩm mỹ trong ca từ Trịnh Công Sơn được chúng tôi triển khai qua ba vấn đề: hệ thống

các tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên hằng thể, các hình thức miêu tả và các kiểu kết hợp tín hiệu – tín hiệu. Đây là ba vấn đề cơ bản nhất cần được phân tích để chúng ta có thể tiếp cận được những giá trị nội dung và nghệ thuật của các nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn thông qua hệ thống tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên. Bên cạnh đó, chúng ta còn cảm nhận được một bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, hình khối được người nhạc sĩ tài hoa vẽ nên bằng nghệ thuật ngôn từ. Thông qua việc khảo sát, chúng tôi đã thống kê được hệ thống các danh từ là tín hiệu thẩm mỹ thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn cụ thể như sau: có tất cả 65 THTM thiên nhiên hằng thể được Trịnh Công Sơn sử dụng trong các ca khúc của mình được chia thành 4 nhóm: thể giới thực vật, thể giới động vật, hiện tượng tự nhiên và các vật thể tự nhiên trong đó nhóm TH các vật thể tự nhiên chiếm số lượng lớn nhất với 22 danh từ, nhóm TH thể giới thực vật gồm 21 danh từ, nhóm TH thể giới động vật với 15 danh từ và nhóm TH các hiện tượng tự nhiên chiếm số lượng nhỏ nhất với 7 danh từ.

Hệ thống THTM thiên nhiên hằng thể kể trên được Trịnh Công Sơn miêu tả - cụ thể hóa thông qua 6 hình thức miêu tả gồm: Từ ngữ chỉ sự vận động của thiên nhiên; từ ngữ chỉ sự vận động của con người (nhưng được dùng cho thiên nhiên); từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của thiên nhiên; từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của con người (nhưng được dùng cho thiên nhiên); từ ngữ chỉ không gian và từ ngữ chỉ định. Trong đó: nhóm từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của thiên nhiên có số lần được miêu tả nhiều nhất với 223 lần; nhóm từ ngữ chỉ sự vận động của thiên nhiên được miêu tả 163 lần; nhóm từ ngữ chỉ sự vận động của con người được miêu tả 112 lần; nhóm từ ngữ chỉ trạng thái, tính chất của con người được miêu tả 49 lần;



nhóm từ ngữ chỉ không gian được miêu tả 27 lần và nhóm từ ngữ chỉ định có số lần được miêu tả ít nhất với 9 lần. Một số THPTM thiên nhiên có số lần miêu tả nổi bật là: mưa (82 lần), nắng (64 lần), lá (49 lần), chim (32 lần), sông (33 lần)..... Có 2 kiểu kết hợp THPTM được Trịnh Công Sơn sử dụng là kết hợp trong một kết cấu chủ vị (gồm sự kết hợp giữa TH thiên nhiên – con người và sự kết hợp giữa TH thiên nhiên – các TH ngoài con người) và kết hợp trong một kết cấu sóng đôi trong đó sự kết hợp giữa TH thiên nhiên với chủ thể con người chiếm số lượng lớn nhất với 44 lần kết hợp còn các kiểu kết hợp khác tương đối đồng đều và có số lượng khiêm tốn hơn.

Thông qua các hình thức ngôn ngữ biểu đạt THPTM kể trên, hệ thống THPTM thiên nhiên trong ca từ Trịnh Công Sơn đã tạo nên những giá trị biểu đạt độc đáo. Đầu tiên, hệ thống THPTM thiên nhiên được Trịnh Công Sơn sử dụng đã khắc họa nên một bức tranh thiên nhiên đầy màu sắc: phong phú, sinh động, đẹp, lãng mạn, mang tính triết lí, huyền bí và gần bó mật thiết với con người. Bên cạnh đó, hệ thống THPTM thiên nhiên còn vẽ nên một bức tranh tâm hồn tuyệt đẹp là thế giới nội tâm sâu sắc, tinh tế, nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một số THPTM thiên nhiên có giá trị biểu đạt lớn và xuất hiện trong nhiều nhạc phẩm của ông là: *mưa*, *nắng* và *sông*. Chúng là biểu hiện cho bức tranh thiên nhiên xinh tươi được người nghệ sĩ tái hiện từ hiện thực cuộc sống đồng thời là minh chứng cho mối quan hệ tri âm tri kỉ giữa con người và thiên nhiên. Dù khi xanh tươi khi héo úa, khi hy vọng khi tuyệt vọng thì bức tranh thiên nhiên mà Trịnh Công Sơn đã vẽ nên bằng ngôn ngữ âm nhạc vẫn thể hiện một cuộc sống thật đáng yêu, đáng trân trọng. Cuộc đời mỗi con người rồi sẽ trôi qua theo dòng chảy của thời gian, nhưng vẻ đẹp diệu kì của thiên nhiên

và cuộc sống là bất diệt, vì vậy chúng ta phải biết nâng niu và tận hưởng trọn vẹn những khoảnh khắc sống như một triết lí bình dị mà Trịnh Công Sơn đã gửi gắm vào trong các nhạc phẩm của mình: “Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ” (*Mưa hồng*). Các giá trị biểu đạt đó đã cơ bản khái quát được những đặc trưng quan trọng trong ngôn ngữ nghệ thuật và nội dung tư tưởng của các ca khúc Trịnh Công Sơn.